

Bản án số: 915/2023/HC-PT

Ngày: 17 - 10 - 2023

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai thuộc
trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái
định cư”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính
thụ lý số: 553/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc “Khiếu kiện
quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ
trợ, tái định cư”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 69/2023/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm
2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2441/2023/QĐ-PT
ngày 25 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ D, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hoàng Đức T,
sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số A H, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người bị kiện:

1/Uỷ ban nhân dân huyện L

2/Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Kim P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp:

- Ông Mạch Văn L1 – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L (có mặt)

- Ông Trang Tử Tự T1 – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L (có mặt).

3/Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp:

- Ông Phan Văn M – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Thành N – Chuyên viên C1 thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C – Công chức địa chính (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:

Ngày 03-12-2020, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 3968/QĐ-UBND về việc thu hồi 20,6m² đất do Ủy ban nhân dân thị trấn L quản lý (bà Nguyễn Thị L đang sử dụng) để đầu tư xây dựng công trình đường Q, thị trấn L, huyện L. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 3978/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị L do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình đường Q, thị trấn L, huyện L, trong đó: Diện tích đất bị thu hồi: 20,6m² là đất nhà nước, không bồi thường; nhà, vật kiến trúc: xây dựng năm 1999 trên đất nhà nước quản lý, không đủ điều kiện bồi thường.

Không đồng ý với nội dung trên, bà L khiếu nại Quyết định 3978/QĐ-UBND, yêu cầu được bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất. Ngày 12-4-2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1542/QĐ-UBND với nội dung bác khiếu nại của bà L.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu, bà L tiếp tục khiếu nại. Ngày 26-11-2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4345/QĐ-UBND với nội dung bác khiếu nại của bà L.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 03-12-2020 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, cho ông (bà) Nguyễn Thị L do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q, thị trấn L, huyện L;

- Hủy Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 12-4-2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của ông (bà) Nguyễn Thị L địa chỉ số D Ô, Khu phố H, thị trấn L, huyện L bác nội dung khiếu nại của gia đình bà L: Yêu cầu bồi thường diện tích 20,6m² đất, nhà và vật kiến trúc trên đất;

- Hủy Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của Ông (bà) Nguyễn Thị L địa chỉ số D Ô, Khu phố H, thị trấn L, huyện L bác nội dung khiếu nại của gia đình bà L yêu cầu bồi thường diện tích 20,6m² đất, nhà và vật kiến trúc trên đất

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L bồi thường diện tích đất của bà L bị thu hồi 20,6m² và bồi thường vật kiến trúc trên đất thu hồi cho bà theo quy định của pháp luật.

Theo bà L, diện tích đất gia đình bà bị thu hồi là một phần của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 165, có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Công T2 và bà Nguyễn Thị K ngày 08-8-1993. Nguồn gốc đất ban đầu do ông Nguyễn Xuân M1 khai phá từ năm 1982, đến năm 1988 ông M1 chuyển nhượng cho ông T2 bằng giấy tay, năm 1993 ông T2 chuyển nhượng lại cho bà.

Sau khi nhận chuyển nhượng, bà L làm nhà cấp 4 và sinh sống ổn định từ đó đến nay không có tranh chấp với ai, không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính do lấn chiếm đất. Năm 2004 bà L cho con gái là Trương Thị H diện tích đất khoảng 120m², diện tích đất hiện tại còn lại khoảng 180m². Từ khi nhận chuyển nhượng đất cho đến nay, bà L vẫn đóng thuế hàng năm đầy đủ. Năm 2005, bà L được địa phương phát phiếu đi kê khai đất. Năm 2006, hộ bà L có tên trong sổ mục kê đất thửa số 26, tờ bản đồ số 165, diện tích 170,7m² và được cấp sổ hộ khẩu tại địa chỉ thửa đất này. Hiện trong hộ khẩu gia đình bà L có 08 nhân khẩu (gồm: Bà L, 03 người con và 04 người cháu).

Ngày 03-12-2020, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định thu hồi của gia đình bà L 20,6m² đất nhưng không bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Ủy ban nhân dân huyện L cho rằng gia đình bà lấn chiếm đất Nhà nước là không có cơ sở, do đó yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất cho gia đình bà theo đúng quy định pháp luật.

Ý kiến của người bị kiện:

- *Ý kiến Ủy ban nhân dân huyện L và chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L:*

Theo biên bản họp ngày 13-7-2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn L về xác nhận điều kiện bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân bị giải tỏa thuộc công trình Đường Q thị trấn L, trường hợp bà Nguyễn Thị L sử dụng đất có nguồn gốc: Sau năm 1997 ông Nguyễn Xuân M1 tự ý vào chiếm đất Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý và cất nhà tạm để ở, đến năm 1998 ông M1 sang nhượng lại đất bằng giấy tay cho hộ Nguyễn Công T2, bà Nguyễn Thị K sử dụng, đến năm 2005 ông

T2 chia tách một phần diện tích đất này cho em gái là bà Nguyễn Thị L sử dụng cho đến nay; không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang tạm thời sử dụng đất cho đến khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra, theo quy hoạch xây dựng khu du lịch H được Ủy ban nhân dân tỉnh P2 tại Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 20-11-1996 thuộc quy hoạch đất du lịch; Quy hoạch chung xây dựng huyện L đến năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh P2 tại Quyết định số 4492/QĐ-UBND ngày 11-12-2007 thuộc quy hoạch đất giao thông; Quy hoạch sử dụng đất huyện L giai đoạn 2000 - 2010 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 20-01-2003 thuộc quy hoạch đất bằng chưa sử dụng; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của huyện L được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 588/QĐ-UBND ngày 20-3-2014 thuộc quy hoạch đất giao thông.

Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này, có hộ khẩu thường trú tại địa phương và trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Căn cứ Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: “1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp sử dụng đất; việc sử dụng đất tại thời điểm nộp sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn hoặc quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi chung là quy hoạch) hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đã sử dụng đất từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch thì được công nhận quyền sử dụng đất...

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp

sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp phải thu hồi thì được công nhận quyền sử dụng đất...

7. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trong các trường hợp quy định tại các Khoản 1, 2 và 5 Điều này mà không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì được tạm thời sử dụng đất theo hiện trạng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định.”

Căn cứ khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 quy định Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất như sau: *“Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này”*.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L bồi thường diện tích đất của bà Nguyễn Thị L bị thu hồi 20,6m² và vật kiến trúc trên đất là không có cơ sở. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc tuyên hủy Quyết định số 3978/QĐ-UBND, tuyên hủy Quyết định số 1542/QĐ-UBND và buộc Ủy ban nhân dân huyện B diện tích đất của bà Nguyễn Thị L bị thu hồi 20,6m² và vật kiến trúc trên đất.

Ý kiến của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không gửi văn bản ý kiến về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày thống nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện L và chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 4345/QĐ-UBND ngày 26-11-2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn L: Theo Biên bản họp ngày 13-7-2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn L về xác nhận điều kiện bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân bị giải tỏa thuộc công trình Đường Q thị trấn L, trường hợp bà L sử dụng đất có nguồn gốc: Sau năm 1997 ông Nguyễn Xuân M1 tự ý vào chiếm đất Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý và cất nhà tạm để ở, đến năm 1998 ông M1 sang nhượng lại đất bằng giấy tay cho hộ Nguyễn Công T2, Nguyễn Thị K sử dụng, đến năm 2005 ông T2 chia tách một phần diện tích đất này cho em gái là bà Nguyễn Thị L sử dụng cho đến nay; không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang tạm thời sử dụng đất cho đến khi Nhà nước thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân thị trấn L họp xác nhận điều kiện bồi thường, hỗ trợ thì trường hợp của bà L sử dụng đất có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân thị trấn L quản lý, không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận.

Ngoài ra, theo quy hoạch xây dựng khu du lịch H được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 20-11-1996 thuộc quy hoạch đất du lịch; Quy hoạch chung xây dựng huyện L đến năm 2020 được Ủy

ban nhân dân tỉnh P2 tại Quyết định số 4492/QĐ-UBND ngày 11-12-1997 thuộc quy hoạch đất giao thông; Quy hoạch sử dụng đất huyện L giai đoạn 2000-2010 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 571/QĐ-UBND ngày 20-01-2003 thuộc quy hoạch đất bằng chưa sử dụng; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm đầu (2011-2015) của huyện L được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 588/QĐ-UBND ngày 20-3-2014 thuộc quy hoạch đất giao thông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 69/2023/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Hủy Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 03-12-2020 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị L do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q, thị trấn L, huyện L.

- Hủy Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 12-4-2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Tổ D, Khu phố H, thị trấn L, huyện L (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 26-11-2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Tổ D, Khu phố H, thị trấn L, huyện L (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện L thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất cho bà Nguyễn Thị L đối với diện tích đất 20,6m² bị thu hồi thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 165 tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30-6-2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện L kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L (có ông Hoàng Đức T là đại diện theo ủy quyền) không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu: Phần đất bị thu hồi của bà L do Nhà nước quản lý từ năm 1997 nên khi thu hồi thì không bồi thường, hỗ trợ. Chứng cứ chứng minh là bản đồ giải thửa năm 1997, sổ mục kê Ủy ban nhân dân thị trấn L. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà L. Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên lời trình bày đã nêu tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Vụ án từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Ủy ban nhân dân huyện L cho rằng phần đất bị thu hồi nằm trong diện tích do Ủy ban nhân dân quản lý từ năm 1997 nên không bồi thường khi thu hồi, nhưng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện phần đất bà L quản lý sử dụng từ năm 1993, có đăng ký sổ mục kê năm 2006. Hơn nữa năm 2004 phần đất đã bị thu hồi 1 phần, Ủy ban nhân dân đã thực hiện việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi phần diện tích này nên ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân huyện L là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Thực hiện công trình đường Q, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 03-12-2020 Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định 3968/QĐ-UBND thu hồi diện tích 20,6m² do bà Nguyễn Thị L đang sử dụng. Cùng ngày 03-12-2020 Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định 3978/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà L, có nội dung không đủ điều kiện bồi thường. Bà L có khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 12-4-2021 giải quyết khiếu nại lần 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 26-11-2021 giải quyết khiếu nại lần 2, đều bác khiếu nại của bà L. Do đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính liên quan đến việc bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất, buộc Ủy ban nhân dân huyện L thực hiện bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi diện tích 20,6m².

[3] Bản án sơ thẩm nhận định để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện như sau:

- Theo bà Nguyễn Thị L thì: Nguồn gốc đất do ông Nguyễn Xuân M1 khai phá năm 1982, sử dụng đến năm 1988 thì sang nhượng lại cho ông Nguyễn Công T2, bà Nguyễn Thị K. Tại thời điểm sang nhượng trên đất có 01 căn nhà lá. Ngày 08-8-1993, ông T2 bà K sang nhượng lại một phần diện tích cho bà Nguyễn Thị L. Gia đình bà L sinh sống trên đất, xây dựng căn nhà cấp 4 để ở. Diện tích đất thu hồi 20,6m² là một phần trong diện tích đất bà L nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Công T2, dùng làm sân, nền lán xi măng, có cổng sắt cố định. Nội dung này được những người sống lâu năm tại địa phương là các ông (bà) Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị H1 (là vợ ông Nguyễn Xuân M1), Phạm Thị T3 và trưởng khu phố H là ông Giang Đức T4 xác nhận. Bà L kê khai nộp thuế nhà đất vào năm 1999, truy thu từ năm 1993. Từ năm 2000 đến nay, bà L

đóng thuê nhà đất đầy đủ. Quá trình bà L sử dụng đất không phát sinh tranh chấp, cũng không bị cơ quan có thẩm quyền nào xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý. Do đó, lời khai của bà L về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất là có căn cứ.

Ủy ban nhân dân huyện L cho rằng diện tích đất 20,6m² là đất do nhà nước quản lý, bị ông Nguyễn Xuân M1 tự ý chiếm đất, không phải đất của hộ dân khai phá nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

- Theo hồ sơ địa chính được phê duyệt năm 1997 thì diện tích đất 20,6m² tương ứng một phần của thửa đất số 63, tờ bản đồ số 38, diện tích 33.506m², loại đất chuyên dùng khác (CDK) do Ủy ban nhân dân thị trấn L kê khai và có tên trong Sổ mục kê.

Tuy nhiên, thửa đất số 63, diện tích 33.506m² có nhiều hộ dân sinh sống, đã đăng ký thường trú, tạm trú qua nhiều thế hệ. Năm 2004, thực hiện công trình đường T, một số hộ dân đã được đền bù về đất và tài sản gắn liền với đất như hộ ông P1, ông K1. Năm 2005, Ủy ban nhân dân thị trấn L phát phiếu cho các hộ dân sinh sống trên thửa đất số 63 đi đăng ký đất đai. Bà Nguyễn Thị L đã đăng ký đối với phần đất gia đình đang sử dụng. Năm 2006, bà L có tên trong sổ mục kê đất và được cấp sổ hộ khẩu tại thửa đất đang sử dụng. Theo bản đồ chi tiết tỷ lệ 1/500, kèm theo là sổ mục kê đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xác nhận ngày 28-12-2006 thì diện tích đất bà L kê khai đăng ký là 170,7m² ODT, thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 165. Diện tích đất 33.506 m² không nằm trong danh sách quỹ đất công.

Như vậy, Ủy ban nhân dân thị trấn L đối với thửa đất số 63 vào năm 1997 nhưng không quản lý đất trên thực tế. Các hộ dân sử dụng thửa đất số 63 để cất nhà ở nhưng không bị ai ngăn cản và không bị cơ quan nào xử phạt về hành vi lấn chiếm đất công. Năm 2006, các hộ dân đã được nhà nước cho đăng ký đất đai theo đúng hiện trạng đất mà mình đang sử dụng, trong đó có hộ bà L

- Theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2000 - 2010 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 20-01-2003 thì phần đất thuộc quy hoạch đất bằng chưa sử dụng. Như vậy, trong giai đoạn 2000 đến 2010, việc sử dụng đất của gia đình bà L được coi là khai hoang đất, phù hợp với quy định của pháp luật, được nhà nước khuyến khích và thực tế nhà nước cũng đã cho bà L đăng ký kê khai đất, có tên trên hồ sơ địa chính.

- Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tài sản trên đất thu hồi là sân nền láng xi măng, móng đá chẻ và trụ cổng. Hiện trạng đất và tài sản trên đất không có gì thay đổi so với thời điểm kiểm kê thu hồi đất. Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi đất của gia đình bà L nhưng không có bản vẽ thu hồi đất kèm theo mà chỉ căn cứ vào Bản đồ địa chính khu đất diện tích 18.085,0m² công trình đường quy hoạch số 14, thị trấn L, huyện L ngày 24-8-2018 do đơn vị sử dụng đất là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện L là không đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất.

Từ những chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định mặc dù gia đình bà Nguyễn Thị L sử dụng diện tích đất 170,7m² không có các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013 nhưng xét về nguồn gốc do ông Nguyễn

Công T2 đã sử dụng từ năm 1988, quá trình quản lý sử dụng đất của bà L từ năm 1993 (nhận chuyển nhượng từ ông T2) đến nay không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2000 - 2010 nên đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Diện tích đất thu hồi 20,6m² là một phần trong diện tích đất 170,7m² nêu trên nên đủ điều kiện bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất theo Điều 75, 89 Luật Đất đai 2013.

Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định 3978/QĐ-UBND không bồi thường cho bà L là không đúng quy định pháp luật. Các quyết định giải quyết khiếu nại số 1542/QĐ-UBND và 4345/QĐ-UBND bác yêu cầu khiếu nại của bà L cũng không đúng quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người bị kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

I. Bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện L.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 69/2023/HC-ST ngày 16-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng Điều 75, 89 và khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013; Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Hủy Quyết định số 3978/QĐ-UBND ngày 03-12-2020 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư, cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị L do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Đường Q, thị trấn L, huyện L.

- Hủy Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 12-4-2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Tổ D, Khu phố H, thị trấn L, huyện L (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 26-11-2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Tổ D, Khu phố H, thị trấn L, huyện L (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện L thực hiện nhiệm vụ công vụ bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất cho bà Nguyễn Thị L đối với diện tích đất 20,6m² bị thu hồi thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 165 tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006170 cùng ngày 25-7-2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- NKK (1);
- NBK (3);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 20b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên